

BỘ Y TẾ  
VIỆN DƯỢC LIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 154 /VDL-QTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

V/v yêu cầu báo giá cung cấp dung  
môi, hoá chất, vật tư tiêu hao thực  
hiện nhiệm vụ “nghiên cứu, phát  
triển sản phẩm tăng cường miễn  
dịch từ tở tại tỉnh Hưng Yên”

Kính gửi: ..... Quý Công ty .....

Viện Dược liệu đang triển khai các thủ tục mua sắm dung môi, hoá chất, vật tư tiêu hao thực hiện nhiệm vụ “nghiên cứu, phát triển sản phẩm tăng cường miễn dịch từ tở tại tỉnh Hưng Yên”.

Viện kính mời Quý Công ty có ngành nghề, lĩnh vực hoạt động phù hợp với công việc nêu trên, cung cấp cho chúng tôi báo giá hàng hóa, dịch vụ với các yêu cầu sau đây:

- Phạm vi, khối lượng, các yêu cầu về dịch vụ cần cung cấp: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

- Báo giá cần mô tả chi tiết dịch vụ, yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ chào, đáp ứng yêu cầu, kèm theo các thông tin, điều khoản thương mại kèm theo tối thiểu như: Hiệu lực báo giá; đã gồm đầy đủ thuế, phí liên quan; thời gian bàn giao hàng hóa dịch vụ; các điều khoản tạm ứng, thanh toán.

- Báo giá xin gửi về địa chỉ dưới đây trước 12h00 ngày 28/09/2026:

Phòng Quản trị & vật tư thiết bị y tế - Viện Dược liệu;

Địa chỉ: Số 3B Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội;

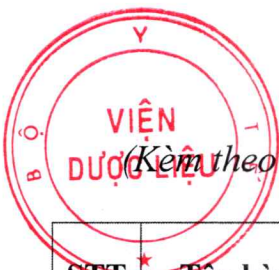
Số điện thoại: 024 39342743.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN  
DƯỢC LIỆU  
Đoàn Hữu Xuyên



## PHỤ LỤC

(Kèm theo công văn số 1541 /VDL-QTVT, ngày 18 tháng 9 năm 2026)

| STT | Tên hàng hóa     | Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                                                                                                 | Quy cách đóng gói | ĐVT  | Số lượng |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------|----------|
| 1   | Acetonitril HPLC | Đạt tiêu chuẩn tinh khiết phân tích, dùng cho máy HPLC độ tinh khiết trên 99,9% , là chất lỏng không màu, nhiệt độ sôi 82 độ tỷ khối 0.786g/ml                                                                   | Chai 2.5L         | Chai | 52       |
| 2   | Acid Fomic       | Hàm lượng: $\geq 88,0\%$<br>Cặn sau bay hơi: $\leq 0,003\%$<br>Clorua (Cl): $\leq 0,0005\%$<br>Sunfat (SO <sub>4</sub> ): $\leq 0,001\%$<br>Sắt (Fe): $\leq 0,0001\%$                                            | Chai 500mL        | Chai | 3        |
| 3   | Bảo vệ cột       | Bảo vệ cột C18 Supelguard™ Guard Cartridge, Kit, 5 $\mu$ m particle size, L $\times$ I.D. 2 cm $\times$ 4 mm extent of labeling 25% Carbon, loading, parameter $\leq 70$ °C temp. range, suitable for L1 per USP | Bộ                | Bộ   | 1        |
| 4   | Bình nón 250 ml  | - Miệng hẹp, có vạch chia, có vành<br>- Dung tích 250ml<br>- kích thước (dxd1xh) mm: 85x34x145<br>- Chất liệu thủy tinh boro 3.3, kháng hóa chất                                                                 | Cái               | Cái  | 2        |
| 5   | Bình nón 500 ml  | - Miệng hẹp, có vạch chia, có vành<br>- Dung tích 500ml<br>- kích thước (dxd1xh) mm: 105x34x180<br>- Chất liệu thủy tinh boro 3.3, kháng hóa chất                                                                | Cái               | Cái  | 2        |
| 6   | Bơm tiêm 1ml     | Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế<br>Chất liệu làm thân kim tiêm là thép không gỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa<br>Thể tích 1mL                              | Hộp 100 cái       | Hộp  | 11       |
| 7   | Bơm tiêm 3ml     | Vật liệu làm đốc kim, nắp đậy đầu kim là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế<br>Chất liệu làm thân kim tiêm là thép không gỉ, có độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa                                              | Hộp 100 cái       | Hộp  | 17       |

|    |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |          |     |   |
|----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|---|
|    |                                              | Thể tích 3mL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |          |     |   |
| 8  | Bột agar ( túi 500g)                         | Chiết xuất từ rong biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Túi 500g | Túi | 3 |
| 9  | Chai thủy tinh trung tính chịu nhiệt 2000 ml | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp vặn PE và vòng đệm có thể khử trùng bằng hơi nước</li> <li>- Những chai hoàn chỉnh này có thể khử trùng bằng hơi nước &amp; có thể khử trùng</li> <li>- Những chai này có độ bền cơ học cao và khả năng chống hóa chất</li> <li>- Được in mã vạch.</li> <li>- Vạch chia độ trong suốt &amp; vùng đánh dấu lớn</li> <li>- Dung tích: 2L</li> <li>- Kích thước (dxh)mm: 136x260</li> </ul>   | Cái      | Cái | 1 |
| 10 | Chai thủy tinh trung tính chịu nhiệt 250 ml  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp vặn PE và vòng đệm có thể khử trùng bằng hơi nước</li> <li>- Những chai hoàn chỉnh này có thể khử trùng bằng hơi nước &amp; có thể khử trùng</li> <li>- Những chai này có độ bền cơ học cao và khả năng chống hóa chất</li> <li>- Được in mã vạch.</li> <li>- Vạch chia độ trong suốt &amp; vùng đánh dấu lớn</li> <li>- Dung tích: 250ml</li> <li>- Kích thước (dxh)mm: 70x138</li> </ul> | Cái      | Cái | 1 |
| 11 | Chai thủy tinh trung tính chịu nhiệt 500 ml  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp vặn PE và vòng đệm có thể khử trùng bằng hơi nước</li> <li>- Những chai hoàn chỉnh này có thể khử trùng bằng hơi nước &amp; có thể khử trùng</li> <li>- Những chai này có độ bền cơ học cao và khả năng chống hóa chất</li> <li>- Được in mã vạch.</li> <li>- Vạch chia độ trong suốt &amp; vùng đánh dấu lớn</li> <li>- Dung tích: 500ml</li> <li>- Kích thước (dxh)mm: 86x176</li> </ul> | Cái      | Cái | 1 |
| 12 | Chai thủy tinh trung tính chịu nhiệt 100ml   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp vặn PE và vòng đệm có thể khử trùng bằng hơi nước</li> <li>- Những chai hoàn chỉnh này có thể khử trùng bằng hơi nước &amp; có thể khử trùng</li> <li>- Những chai này có độ bền</li> </ul>                                                                                                                                                                                                | Cái      | Cái | 1 |

|    |                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |      |     |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|-----|
|    |                                                                    | cơ học cao và khả năng chống hóa chất<br>- Được in mã vạch.<br>- Vạch chia độ trong suốt & vùng đánh dấu lớn<br>- Dung tích: 100ml<br>- Kích thước (dxh)mm: 56x100                                                                                                                                                                      |              |      |     |
| 13 | Chai thủy tinh trung tính chịu nhiệt 1000 ml                       | - Nắp vận PE và vòng đệm có thể khử trùng bằng hơi nước<br>- Những chai hoàn chỉnh này có thể khử trùng bằng hơi nước & có thể khử trùng<br>- Những chai này có độ bền cơ học cao và khả năng chống hóa chất<br>- Được in mã vạch.<br>- Vạch chia độ trong suốt & vùng đánh dấu lớn<br>- Dung tích: 1L<br>- Kích thước (dxh)mm: 101x225 | Cái          | Cái  | 1   |
| 14 | Chai vial trắng 1.8ml,                                             | Chất liệu thủy tinh; Thể tích 1.8mL                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 100 cái/hộp  | Hộp  | 20  |
| 15 | Chloroform                                                         | Đạt tiêu chuẩn phân tích độ tinh khiết trên 90%. Công thức: $\text{CHCl}_3$ . Điểm nóng chảy: $-63,5^\circ\text{C}$ . Điểm sôi: $61,2^\circ\text{C}$ . Mật độ: $1,49\text{ g/cm}^3$ . Khối lượng phân tử: $119,38\text{ g/mol}$                                                                                                         | Chai 500mL   | Chai | 15  |
| 16 | Cồn CN 96%                                                         | Nồng độ $\geq 96,0$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lít          | Lít  | 600 |
| 17 | Cột bảo vệ cột sắc ký Eclipse Plus C18, 4.6x12.5mm, 5um, 4 cái/hộp | Đường kính 4.6mm; Chiều dài 12.5mm; Kích thước hạt 5um                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Hộp 4 cái    | Hộp  | 1   |
| 18 | Cột HPLC C18                                                       | Đạt tiêu chuẩn trong kỹ thuật sắc ký sử dụng để phân tách một hỗn hợp trong lĩnh vực hóa phân tích Kích thước hạt : 5.0, Đường kính trong: 4.6mm, Chiều dài: 250mm                                                                                                                                                                      | Cái          | Cái  | 1   |
| 19 | Đầu côn trắng 10 ul                                                | Làm bằng vật liệu PP; Không chứa Dnase&Rnase                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Túi 1000 cái | Túi  | 5   |

|    |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                 |      |     |
|----|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------|-----|
| 20 | Đầu côn vàng<br>200 $\mu$ l | Làm bằng vật liệu PP; Không<br>chứa Dnase&Rnase                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Túi<br>1000 cái | Túi  | 5   |
| 21 | Đĩa petri nhựa              | Sản xuất từ polystyrene chất<br>lượng cao<br>Vô trùng<br>Kích thước 90 x 15 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái             | Cái  | 200 |
| 22 | Dicloromethan               | Hàm lượng: $\geq 99,5\%$ Khối<br>lượng riêng (20°C): 1,320–<br>1,330 g/mL Cặn sau bay hơi:<br>$\leq 0,002\%$ Độ axit (tính theo<br>$H^+$ ): $\leq 0,0003$ mmol/g Clo tự<br>do (Cl): $\leq 0,0001\%$ Sắt (Fe):<br>$\leq 0,0001\%$ Hàm lượng nước<br>( $H_2O$ ): $\leq 0,03\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Chai<br>500mL   | Chai | 20  |
| 23 | Ethanol 96                  | Nồng độ $\geq 96,0$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lít             | Lít  | 60  |
| 24 | Ethyl acetate               | Hàm lượng: $\geq 99,5\%$<br>Khối lượng riêng (20°C):<br>0,899–0,901 g/mL<br>Độ màu (đơn vị Hazen): $\leq 10$<br>Cặn sau bay hơi: $\leq 0,0005\%$<br>Hàm lượng nước ( $H_2O$ ):<br>$\leq 0,1\%$<br>Độ axit (tính theo $H^+$ ):<br>$\leq 0,0008$ mmol/g<br>Methanol ( $CH_3OH$ ): $\leq 0,1\%$<br>Ethanol ( $CH_3CH_2OH$ ): $\leq 0,1\%$<br>Methyl acetate<br>( $CH_3COOCH_3$ ): $\leq 0,1\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 | Chai | 20  |
| 25 | Formic acid 98-<br>100%     | Khối lượng riêng của hơi: 1,6<br>(so với không khí) Áp suất<br>hơi: 44,8 mmHg (20°C) Hàm<br>lượng: $\geq 98\%$ (chuẩn độ kiềm)<br>Axit axetic ( $CH_3COOH$ ) $\leq 500$<br>ppm Cặn sau bay hơi: $\leq 10$<br>ppm pH: 2,2 (20°C, dung dịch<br>10 g/L trong $H_2O$ ) Điểm sôi:<br>100–101°C Điểm nóng chảy:<br>8,2–8,4°C Khối lượng riêng:<br>1,22 g/mL ở 25°C Hàm lượng<br>anion: Clorua ( $Cl^-$ ): $\leq 5$ ppm<br>Sulfat ( $SO_4^{2-}$ ): $\leq 5$ ppm Sulfit<br>( $SO_3^{2-}$ ): $\leq 10$ ppm Hàm lượng<br>cation Ag: $\leq 0,020$ ppm Al:<br>$\leq 0,050$ ppm Ba: $\leq 0,050$ ppm<br>Be: $\leq 0,020$ ppm Bi: $\leq 0,10$<br>ppm Ca: $\leq 0,20$ ppm Cd:<br>$\leq 0,050$ ppm Co: $\leq 0,020$ ppm<br>Cr: $\leq 0,050$ ppm Cu: $\leq 0,020$<br>ppm | Chai 1L         | Chai | 2   |

|    |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |      |    |
|----|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------|----|
| 26 | Găng tay không bột               | Làm từ vật liệu cao su tự nhiên chất lượng cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Hộp 50 đôi | Hộp  | 35 |
| 27 | Giấy lọc định tính nhanh         | Làm từ bông xơ; Hàm lượng tro nhỏ hơn 0.15%; đường kính 11mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hộp 100 tờ | Hộp  | 9  |
| 28 | Glucose                          | Dạng bột màu trắng; Tan trong nước tạo dung dịch trong suốt, không màu; Độ tinh khiết (GC) $\geq 99,5\%$ ; Đạt tiêu chuẩn nuôi cấy tế bào                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lọ 100g    | Lọ   | 8  |
| 29 | Isopropanol HPLC (2,5 lít/ chai) | Hàm lượng axit/kiềm: $\leq 0,0001$ meq/g<br>Độ tinh khiết (GC): $\geq 99,5\%$<br>Trạng thái: Chất lỏng linh động<br>Cặn sau bay hơi: $\leq 2$ ppm<br>Màu sắc: Trong, không màu<br>Hàm lượng nước: $\leq 0,1\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chai 2.5L  | Chai | 2  |
| 30 | KH <sub>2</sub> PO <sub>4</sub>  | Hàm lượng: $\geq 99,0\%$ tính trên chất khô (chuẩn độ kiềm);<br>98,0–100,5% (chuẩn độ kiềm)<br>Dạng: Chất rắn<br>Hao hụt khi sấy: $\leq 0,2\%$ ở 130°C<br>pH: 4,2–4,6 (20°C, dung dịch 20 g/L trong H <sub>2</sub> O)<br>Điểm nóng chảy: 252,6°C<br>Hàm lượng anion:<br>Clorua (Cl <sup>-</sup> ): $\leq 0,0005\%$<br>Sulfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ): $\leq 0,003\%$<br>Hàm lượng cation:<br>Asen (As): $\leq 0,0002\%$<br>Sắt (Fe): $\leq 0,0010\%$<br>Nito (N): $\leq 0,001\%$<br>Natri (Na): $\leq 0,005\%$<br>Kim loại nặng: $\leq 0,001\%$ | Lọ 1kg     | Lọ   | 1  |
| 31 | Khẩu trang y tế than hoạt tính   | Khẩu trang bốn lớp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp 50 cái | Hộp  | 35 |
| 32 | Màng nhôm (35 mm x 5000mm)       | Rộng 35 mm, dài 5000 mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cuộn       | Cuộn | 1  |
| 33 | Methanol HPLC                    | Độ tinh khiết (GC): $\geq 99,8\%$<br>Cặn sau bay hơi: $\leq 3,0$ mg/L<br>Hàm lượng nước: $\leq 0,03\%$<br>Màu sắc: $\leq 10$ đơn vị Hazen<br>Độ axit: $\leq 0,0002$ meq/g<br>Độ kiềm: $\leq 0,0002$ meq/g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Chai 2.5L  | Chai | 52 |

|    |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |      |    |
|----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|----|
| 34 | MRS agar                           | Ngoại quan: Môi trường dạng hạt, màu kem đến vàng nhạt.<br>Khả năng tạo gel: Gel chắc, tương đương gel Agar 1,2%.<br>Màu sắc và độ trong của môi trường sau khi pha: Tạo gel màu hồ phách từ trung bình đến đậm, trong suốt đến hơi ánh đục trong đĩa Petri.<br>Phản ứng: Dung dịch nước 6,71% (khối lượng/thể tích) ở 25°C.<br>pH: 6,5 ± 0,2.<br>Khoảng pH: 6,30–6,70. | Hộp 500g    | Hộp  | 2  |
| 35 | MRS broth                          | Ngoại quan: Môi trường dạng hạt, màu kem đến vàng. Màu sắc và độ trong của môi trường sau khi pha: Dung dịch màu hồ phách nhạt, trong suốt đến hơi ánh đục, khi chứa trong ống. Phản ứng: Dung dịch nước 5,51% (khối lượng/thể tích) ở 25°C. pH: 6,5 ± 0,2. Khoảng pH: 6,30–6,70.                                                                                       | Hộp 500g    | Hộp  | 6  |
| 36 | n-Butanol                          | Đạt tiêu chuẩn phân tích, độ tinh khiết trên 99%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chai 500mL  | Chai | 15 |
| 37 | n-Hexane                           | Đạt tiêu chuẩn phân tích, độ tinh khiết trên 97%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chai 500mL  | Chai | 30 |
| 38 | Ống eppendof 2ml                   | Làm bằng vật liệu PP tiêu chuẩn y tế; Kháng hóa chất; Thành ống trong suốt giúp dễ dàng quan sát mẫu bên trong; Nhiệt độ hoạt động ổn định trong khoảng -20 - 121°C; Không chứa Dnase&Rnase, không chứa DNA người, không chứa chất ức chế PCR; Chịu được lực ly tâm lên đến 23.000G                                                                                     | Túi 500 cái | Túi  | 5  |
| 39 | Ortho, phosphoric acid (1lit/chai) | Hàm lượng: ≥ 85%<br>Canxi (Ca): ≤ 50 ppm<br>Đồng (Cu): ≤ 5 ppm<br>Sắt (Fe): ≤ 10 ppm<br>Chì (Pb): ≤ 5 ppm<br>Magie (Mg): ≤ 10 ppm<br>Niken (Ni): ≤ 5 ppm<br>Kali (K): ≤ 20 ppm<br>Natri (Na): ≤ 200 ppm<br>Tổng clorua (Cl): ≤ 0,001%<br>Tổng nitơ (N): ≤ 5 ppm<br>Tổng silic (Si): ≤ 10 ppm                                                                            | Chai 1L     | Chai | 2  |

|    |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |      |    |
|----|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------|----|
|    |                                                                        | Tổng lưu huỳnh (S): $\leq 30$ ppm<br>Kẽm (Zn): $\leq 5$ ppm                                                                                                                                                                                                                                      |             |      |    |
| 40 | Pepton                                                                 | Dạng: Bột<br>Tập chất: $\geq 10\%$ tổng nitơ (N), $\geq 3\%$ nitơ amin<br>Cặn sau nung: $\leq 12\%$<br>Mất khối lượng do sấy: $\leq 6\%$<br>pH: $7,0 \pm 0,5$ ( $25^\circ\text{C}$ , dung dịch 2% trong $\text{H}_2\text{O}$ )<br>Dung dịch 2% trong $\text{H}_2\text{O}$ trong, có màu hơi vàng | Lọ 500g     | Lọ   | 9  |
| 41 | Puradisc 13 syringe lọc PTFE (0.45 $\mu\text{m}$ , 13mm)               | Vật liệu vỏ: PP (Polypropylene)<br>Diện tích lọc: $0,65\text{ cm}^2$<br>Thể tích xử lý: 10 mL<br>Thể tích giữ lại: $< 25\text{ }\mu\text{L}$<br>Áp suất tối đa: 7 bar ( $\approx 101,5$ PSI)<br>Nhiệt độ tối đa: $45^\circ\text{C}$                                                              | Túi 100 cái | Túi  | 30 |
| 42 | S-Allyl-L-cysteine $\geq 98\%$ (HPLC), antioxidant, powder             | Độ tinh khiết $\geq 98\%$ (HPLC); Màu sắc từ trắng đến be                                                                                                                                                                                                                                        | Lọ 10mg     | Lọ   | 2  |
| 43 | Sinh hàn bóng cổ 29                                                    | Làm bằng chất liệu thủy tinh boro 3.3; dài 400mm; cổ nhám 29/32                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | Cái  | 5  |
| 44 | Syringe lọc Hydrophobic PTFE 25mm x 0.45um                             | Vật liệu vỏ: PP (Polypropylene)<br>Diện tích lọc: $3,9\text{ cm}^2$<br>Thể tích xử lý: 100 mL<br>Thể tích lưu giữ: $< 100\text{ }\mu\text{L}$<br>Áp suất: 5,2 bar (75 PSI)<br>Nhiệt độ tối đa: $45^\circ\text{C}$                                                                                | Gói 100 cái | Gói  | 13 |
| 45 | TLC SILICA GEL 60 F254 25 ALUMINIUM SHEETS 20 X 20 CM (Pha thường)     | Đạt tiêu chuẩn phân tích, TLC Silicager 60F254 hộp 25 bản Silica gel trắng trên nhôm; độ dày lớp 200 $\mu\text{m}$ ; tấm kích thước 20 cm $\times$ 20 cm; kích thước hạt 10,0-12,0 $\mu\text{m}$                                                                                                 | Hộp 25 tấm  | Hộp  | 5  |
| 46 | TLC SILICA GEL 60 RP-18 F254S 20 ALUMINIUM SHEETS 20 X 20 CM (Pha đảo) | Đạt tiêu chuẩn phân tích, TLC Silicager 60RP - 18; hộp 20 bản Silica gel trắng trên nhôm; độ dày lớp 200 $\mu\text{m}$ ; tấm kích thước 20 cm $\times$ 20 cm; kích thước hạt 10,0-12,0 $\mu\text{m}$                                                                                             | Hộp 20 tấm  | Hộp  | 3  |
| 47 | Trifluoroacetic acid                                                   | Hàm lượng trên 99%; Độ ẩm nhỏ hơn 0.2%                                                                                                                                                                                                                                                           | Chai 1kg    | Chai | 1  |

|    |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |    |    |
|----|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----|----|
| 48 | Tryptic soya broth (môi trường dịch thể Tryptic soya) | <p>Ngoại quan: Bột đồng nhất, chảy tự do, màu kem đến vàng.</p> <p>Màu sắc và độ trong của môi trường sau pha: Dung dịch trong, màu vàng nhạt, không có kết tủa.</p> <p>pH: <math>7,3 \pm 0,2</math> (dung dịch nước 3,0% w/v ở 25 °C, sau khi tiệt trùng).</p> <p>Khoảng pH: 7,10 – 7,50.</p>                                                                                                             | Lọ 500g | Lọ | 14 |
| 49 | Tryptic soya agar (môi trường dịch thể Tryptic soya)  | <p>Ngoại quan: Bột đồng nhất, chảy tự do, màu kem đến vàng.</p> <p>Khả năng tạo gel: Gel chắc, tương đương với gel Agar 1,5%.</p> <p>Màu sắc và độ trong của môi trường sau pha: Môi trường cơ bản: Gel trong đến hơi đục, màu vàng nhạt.</p> <p>Sau khi bổ sung 5–7% máu vô trùng đã khử fibrin: Tạo gel màu đỏ anh đào, đục trong đĩa Petri.</p> <p>pH: 7,10–7,50 (dung dịch nước 4,0% w/v ở 25 °C).</p> | Lọ 500g | Lọ | 4  |